

Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học phần Thực hành tiếng Việt cho học sinh lớp 11

Đậu Thị Hương*

*Trường TH, THCS - THPT FPT Đà Nẵng

Received: 6/01/2024; Accepted: 13/01/2024; Published: 19/01/2024

Abstract: Teaching according to the flipped classroom model is one of the blended learning methods that combines e-learning with traditional teaching methods. This is also considered an innovative form of blended learning with many advantages aimed at fostering students' creativity and proactivity in learning. By implementing this teaching model in the Practical Vietnamese class for 11th-grade students, we expect to initially provide students with Vietnamese language theories. Teachers will dedicate more time in class to guide students in practical exercises, applying concepts with a high level of proficiency. With flexibility in time and space, the flipped classroom model is carried out in three steps: before, during, and after class; this will enhance the overall knowledge accumulation and practical skills in Vietnamese.

Keywords: Flipped classroom; Vietnamese language teaching; teaching model.

1. Mở đầu

Đổi mới giáo dục đã đặt ra những nhu cầu cần thiết và quan trọng trong chiến lược đổi mới toàn diện ngành giáo dục. Với mục tiêu đào tạo những thế hệ học sinh (HS) tự chủ, sáng tạo và có khả năng phản biện trong thời đại mới. Vì lẽ đó, các phương pháp dạy học tích cực ngày càng được áp dụng và đổi mới từng ngày. Trong đó, dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược (LHĐN) là một trong những phương pháp dạy học đáp ứng được yêu cầu đó. Với mô hình này, giáo viên (GV) sẽ tiết kiệm được thời gian dạy một chiều kiến thức lý thuyết trên lớp, dành nhiều thời gian cho thực hành.

Với chương trình Sách giáo khoa Ngữ văn 11, các tiết thực hành tiếng Việt không còn hướng đến dạy học lý thuyết rồi ứng dụng vào bài tập như chương trình cũ. Thay vào đó là định hướng để HS thực hành và ứng dụng cao. Vì những lẽ trên, theo tôi, có thể vận dụng mô hình LHĐN trong dạy học bài Thực hành tiếng Việt lớp 11 để đạt được những hiệu quả tối ưu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lý thuyết về mô hình LHĐN

2.1.1. Khái niệm

Năm 2017, trong tài liệu tập huấn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ rằng: “LHĐN là chiến lược giảng dạy và đồng thời là một kiểu học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến. Mô hình lớp học này trái ngược hoàn toàn với môi trường giảng dạy truyền thống do nội dung giảng dạy thường được diễn ra trực tuyến và bên ngoài lớp học. Khác với cách giảng dạy truyền thống khi mà bài tập được thực hiện tại nhà, LHĐN lại đem bài tập vào trong lớp

học” [1, tr.8]

Vậy, LHĐN là tất cả hoạt động dạy học được thực hiện “đảo ngược” so với thông thường. Sự “đảo ngược” ở đây được hiểu là sự thay đổi với các dụng ý và chiến lược sư phạm thực hiện ở cách triển khai các nội dung, mục tiêu dạy học và các hoạt động dạy học khác với cách truyền thống trước đây của người dạy và người học. [4]

Trái ngược với mô hình dạy học truyền thống, ở mô hình này GV sẽ thực hiện các video bài giảng về lý thuyết, chia sẻ qua các công cụ quản lý lớp học trực tuyến cho HS xem trước tại nhà. Toàn bộ thời gian trên lớp sẽ dành cho việc hoàn thiện bài tập, vận dụng thực hành nâng cao, thảo luận sâu hơn về kiến thức bài học.

2.1.2. Đặc điểm của mô hình LHĐN

Ở mô hình LHĐN, GV sẽ chủ động trong việc soạn bài giảng đăng lên các công cụ quản lý lớp học trực tuyến của lớp giảng dạy. GV cũng có thể đăng một lượt theo các thư mục từ đầu năm học hoặc đăng theo tuần học, bài học để HS chủ động vào nghe giảng, học bài ở nhà. HS được chủ động trong giờ học, việc tìm hiểu, nghiên cứu lý thuyết và có thể tự học nhiều lần, học bất cứ lúc nào, có thể dừng lại nếu cần. Như vậy, HS được tạo tâm thế sẵn sàng, chủ động, tự tin trong việc tích lũy kiến thức, từ đó việc học cũng sẽ tối ưu hơn.

Theo thang tư duy Bloom thì mô hình dạy học ở lớp học truyền thống, ở phần truyền đạt lý thuyết chỉ đạt ở bậc thấp (tức là “biết” và “hiểu”). Còn nhiều vụ làm bài tập thực hành thì đạt ở bậc cao trong thang tư duy (bao gồm “ứng dụng”, “phân tích”, “Tổng hợp”

và “Đánh giá”). Với thời lượng 45 phút của một tiết học thì đơn thuần GV chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức lý thuyết và hướng dẫn được một số bài tập chứ ít khi hướng dẫn trọn vẹn đầy đủ phần thực hành. Điều trăn trở là những phần vận dụng cao thì HS phải tự mày mò trong mơ hồ khi về nhà hoặc là phụ huynh phải hỗ trợ những phần khó nhằn này khi không có chuyên môn. Điều này đã phản ánh mô hình dạy học truyền thống – theo các chuyên gia gọi là “Lowthinking” là chưa phù hợp với việc dạy những bài Thực hành tiếng Việt.

Vậy nên, mô hình LHDN hướng đến việc HS phải tập và phát huy năng lực tự học trước ở nhà – đây cũng là năng lực mà chương trình giáo dục hướng tới trong thời đại mới.

2.1.3. Tác dụng của mô hình LHDN

Tạo cơ hội đổi mới phương pháp và hình thức dạy học: Đây vừa là mục tiêu vừa là yêu cầu của việc áp dụng mô hình đảo ngược vào việc dạy học hiện nay.

- Chuyển từ việc học tiếp nhận đơn chiều, ghi nhớ kiến thức sang hoạt động chủ động tìm kiếm kiến thức, ghi chép sàng lọc kiến thức và khám phá kiến thức.

- Chuyển từ học tập, giải quyết bài tập cá nhân sang hoạt động với một hay nhiều người học qua các hình thức hoạt động nhóm để thực hành bài tập dựa trên nền tảng kiến thức đã tự học ở nhà. Từ đó phát huy khả năng hợp tác, phản biện và biết đặt các thắc mắc có vấn đề giữa HS với nhau. Đây cũng là bước đệm để các em dần thích nghi với mô hình làm việc nhóm, dự án,.. mà sẽ chiếm ưu thế sau này.

Tạo ra môi trường học tập mới: Đây là mục tiêu đổi mới mà chương trình giáo dục 2018 hướng tới, đồng nghĩa với việc GV sẽ không ngừng trau dồi, làm mới và sáng tạo trong việc dạy học. Vì lẽ trên mà mô hình dạy học đảo ngược cũng đem đến những giá trị quan trọng:

- Môi trường học tập không có sự ràng buộc về không gian, thời gian học tập; càng không giới hạn về số lần học tập.

- Môi trường học tập bình đẳng, cho phép đặt câu hỏi có vấn đề và phản biện trong quá trình thực hành bài tập, vận dụng bài tập ở cấp bậc cao khi HS hoạt động theo nhóm.

- Hình thức truyền tải kiến thức một chiều, tư duy ngôn ngữ đã nhường chỗ cho tư duy tổng hợp nhờ đa giác quan hoá trong quá trình dạy học (*HS được tiếp cận với bài giảng có sự kết hợp sinh động hoá của sơ đồ tư duy; hình ảnh; âm thanh; video; ...*)

- Hệ thống học tập được hoạch định thống nhất

xuyên suốt kì/năm học dưới sự hướng dẫn và tổ chức của người dạy.

2.1.4. Những hạn chế của mô hình LHDN

Mô hình học tập đảo ngược đáp ứng được những đổi mới của giáo dục; phát huy năng lực tự học, sáng tạo, tư duy phản biện,... của người học. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, tác giả nhận thấy những hạn chế mà người dạy học cần lưu tâm và tìm hướng khắc phục để đạt được hiệu quả cao nhất.

Đối với GV, song song với quá trình đổi mới trong cách dạy thì đi đôi với trách nhiệm và sự kì công. Bởi lẽ, không chỉ tốn nhiều thời gian và công sức cho việc hướng dẫn HS làm quen ngay từ đầu với mô hình học tập này, tạo sự thống nhất và tiến hành xuyên suốt với tất cả đối tượng HS. GV cũng phải tận tụy trong quá trình thiết kế bài dạy, powerpoint và video giảng dạy online. Luôn phải kiểm tra và cập nhật video bài giảng, tài liệu học tập trên các công cụ quản lý lớp học trực tuyến: Google Classroom, Notion,... Để làm được điều này, bản thân người dạy cũng luôn cần cập nhật kiến thức mới về công nghệ thông tin, luôn đọc sách và nhắc nhở HS phải chủ động.

Đối với HS, vốn dĩ tinh thần tự học và trách nhiệm trong việc học tập của các em chưa được đề cao nên dễ dẫn tới quên, hoặc tìm lí do cho việc không chuẩn bị bài học sẵn. Từ đó, việc vận dụng và thực hành bài tập trên lớp sẽ bị gián đoạn, không liền mạch và thu mình trong hoạt động nhóm.

2.2. Áp dụng mô hình LHDN trong dạy học phần Thực hành tiếng Việt

Để thực hiện mô hình LHDN trong các bài Thực hành tiếng Việt ở môn Ngữ văn 11, GV sẽ chia hoạt động dạy học ra thành ba giai đoạn: giai đoạn trước, trong và sau dạy học.

2.2.1. Giai đoạn trước - Xây dựng video bài học lý thuyết tiếng Việt

Bước 1: Xác định mục tiêu dạy học

Người dạy cần xác định việc gửi video bài dạy lý thuyết tiếng Việt cho HS nghiên cứu trước ở nhà .

- Về kiến thức: Cung cấp cho HS những kiến thức lý thuyết về bài Thực hành tiếng Việt; hướng dẫn HS áp dụng kiến thức của lý thuyết để giải quyết các bài tập và áp dụng vào thực tế cuộc sống.

- Về năng lực: HS được rèn luyện và phát triển các năng lực chung: năng lực tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực riêng: năng lực ngôn ngữ, các kĩ năng đặc thù của môn Ngữ văn (đọc, nghe, viết).

- Về phẩm chất: Giúp HS có trách nhiệm, ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Bước 2: Thiết kế các hoạt động của bài học

Theo tác giả, một video bài giảng của GV đã chuẩn bị trước phải đảm bảo cấu trúc gồm bốn hoạt động:

Hoạt động khởi động: GV tạo bước đệm để thu hút HS vào giải mã bài học bằng việc cho HS xem video/ tranh ảnh liên quan đến bài học; hoặc đưa ra các câu hỏi để HS suy nghĩ về vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

Hoạt động hình thành kiến thức:

- GV thiết kế các đơn vị kiến thức bằng powerpoint (đảm bảo sự khoa học; sàng lọc các ý; hình ảnh sinh động, dễ hiểu).

- GV tiến hành lồng ghép giọng giảng để hình thành video bài giảng. Trong quá trình giảng bài, GV cần hướng dẫn và nhấn mạnh các vùng trọng tâm kiến thức để HS ghi bài.

Hoạt động luyện tập: GV sẽ thiết kế các bài tập ở cấp độ thấp để HS có thể dễ dàng áp dụng kiến thức nền vừa được trau dồi vào bài học.

Hoạt động vận dụng: GV có thể hướng đến hai nhiệm vụ: Thứ nhất, GV yêu cầu HS phải rút ra được câu hỏi chưa hiểu, hoặc câu hỏi có vấn đề về bài học vừa rồi. Thứ hai, GV có thể đặt ra những vấn đề, câu hỏi, tình huống để HS tìm cách lý giải. Điều này sẽ thúc đẩy HS vận dụng kiến thức đã học, hoặc tìm kiếm tài liệu học để giải mã phần vận dụng.

Xét ví dụ: Để áp dụng mô hình LHDN trong tiết Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (Sách giáo khoa Ngữ văn 11 - bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), GV có thể triển khai bước này như sau:

- Ở hoạt động khởi động: GV đưa ra hai đoạn văn cùng nói về một vấn đề về cây tre (đoạn 1: Cuộc đối thoại giữa A và B về các vật dụng từ tre; đoạn 2: Một đoạn viết về vai trò của cây tre trong cuộc sống. Yêu cầu: Xác định vấn đề được đề cập ở hai đoạn văn trên? Chỉ ra điểm khác biệt về mặt ngôn ngữ giữa hai đoạn văn trên?)

- Ở hoạt động hình thành kiến thức: GV nhắc lại kiến thức về: khái niệm, cách nhận biết, tác dụng, quy tắc sử dụng của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết mà HS đã được học ở chương trình THCS. Trong quá trình giảng đơn vị kiến thức lý thuyết, GV có thể lồng ghép các ví dụ, phân tích ví dụ để HS dễ dàng nắm bắt kiến thức bài học.

- Ở hoạt động luyện tập: GV sẽ cho HS làm các bài tập (linh hoạt lựa chọn các bài tập ở cấp độ thấp trong sách giáo khoa, sách bài tập hoặc GV tự ra đề để HS luyện tập một mình ở nhà).

- Ở hoạt động vận dụng: GV có thể yêu cầu HS ghi lại một vài câu hỏi thắc mắc của em về bài học.

2.2.2. *Giai đoạn trong - Thiết kế bài học thực hành tiếng Việt trên lớp*

Ở giai đoạn này, GV sẽ kết hợp tổ chức các hoạt động học như làm việc nhóm, nhóm chuyên gia, đóng vai,... để giải quyết các thắc mắc mà HS đã ghi chú sẵn ở nhà, giải quyết các bài tập ở mức độ cao mà GV đưa ra.

Bước 1: GV yêu cầu HS nhắc lại những đơn vị kiến thức lý thuyết mà đã tự học ở nhà. Chia nhóm và tổng hợp các câu hỏi thắc mắc của HS đã ghi lại. GV tổng hợp theo từng vùng đơn vị kiến thức, sau đó chia chéo cho các nhóm để giải quyết. Hình thức này sẽ giúp các em hỗ trợ nhau giải đáp những vùng kiến thức mà bạn/nhóm bạn chưa hiểu. GV sẽ là người tổng hợp và chốt lại kiến thức. (Khoảng 10 phút)

Bước 2: GV đưa ra các bài tập nâng cao/ câu hỏi có vấn đề liên quan đến bài học cho các nhóm đã chia sẵn. Cho các nhóm lần lượt trình bày và phản biện. (Khoảng 20 phút)

Bước 3: GV củng cố bài học bằng các trò chơi; bài tập cá nhân làm ngay tại lớp để lấy điểm cộng. (Khoảng 10 phút)

2.2.3. *Giai đoạn sau – Quy trình vận dụng sau giờ học trên lớp*

Ở bước này, GV có thể linh hoạt bằng các hoạt động cá nhân dành cho HS như: Thiết kế sơ đồ tư duy kiến thức bài học lý thuyết thông qua hện thống minmap, canva,... (Khoảng 5 phút giao bài trên lớp).

3. Kết luận

Mô hình LHDN với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin sẽ mở ra môi trường học tập linh hoạt, chủ động, sáng tạo,.. đối với người học. Việc áp dụng mô hình này vào dạy học các tiết Thực hành tiếng Việt ở môn Ngữ văn 11 cũng sẽ đáp ứng được các yêu cầu năng lực của đổi mới giáo dục. HS sẽ có cơ hội để trau dồi khả năng tự học, rèn tính tập trung, phân tích trữ lượng kiến thức, tư duy phản biện, kỹ năng hoạt động nhóm,... Ở đó GV cũng sẽ phải tự học, tự mày mò để không bị đẩy lùi với sự điều phải đổi mới của giáo dục và thời đại số.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ giáo dục và Đào tạo (2017), *Tài liệu tập huấn ETEP, Tư duy phản biện & LHDN*, Hà Nội, tr.8.

[2] Cù Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Minh Bích (2019), *Sử dụng mô hình “LHDN trong dạy học ca dao (ngữ văn 10 - tập 1)*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt Kỳ 2 tháng 5/2019.

[3] Đỗ Tùng, Hoàng Công Kiên (2020), *Áp dụng mô hình LHDN trong dạy học trực tuyến tại trường Đại học Hùng Vương*, Tạp chí khoa học và công nghệ Tập 19, Số 2.